

## CHƯƠNG 4 PHƯƠNG PHÁP BIÊN DỊCH

Để trả lời việc phải biên dịch như thế nào cho thích hợp thì cần phải có sự xem xét phương pháp biên dịch đa dạng của các học giả. Trong tình huống biên dịch cụ thể có thể phát sinh những biến số đa dạng như mục đích biên dịch, tầng lớp độc giả, thể loại của văn bản gốc, sở thích của người biên dịch... Khi đó thông qua việc tiếp thu đầy đủ ý kiến của các học giả về phương pháp biên dịch thì người biên dịch sẽ có thể đối phó một linh hoạt trong các tình huống biên dịch đa dạng.

### 4.1 Peter Newmark

Dưới đây là biểu đồ chữ V về 8 phương pháp biên dịch của Newmark trong cuốn sách “A Textbook. of Translation” xuất bản năm 1988.

SL emphasis	TL emphasis
Nhấn mạnh ngôn ngữ nguồn	Nhấn mạnh ngôn ngữ đích
Word for word translation	Adaption
Biên dịch từ theo từ	Cải biến
Literal translation	Free translation
Dịch từ nguyên văn	Dịch tự do
Faithful translation	Idiomatic traslation
Dịch trung thực	Biên dịch thành ngữ
Semantic translation	Communitive translation
Dịch đặt trọng tâm vào ý nghĩa	Dịch đặt trọng tâm vào giao tiếp

Newmark chia 8 phương pháp biên dịch thành hai nhóm: nhấn mạnh ngôn ngữ nguồn và nhấn mạnh ngôn ngữ đích. Phương pháp nhấn mạnh ngôn ngữ nguồn

gồm có dịch từ theo từ, dịch từ nguyên văn, biên dịch trung thực, biên dịch đặt trọng âm vào ý nghĩa. Phương pháp nhấn mạnh ngôn ngữ đích gồm có cải biến, dịch tự do, biên dịch thành ngữ, biên dịch đặt trọng tâm vào giao tiếp.

Chúng ta ở đây chỉ giải thích một số khái niệm chính còn những khái niệm còn lại bỏ qua. Biên dịch trung thực là phương pháp biên dịch trung thành với văn bản gốc về cả ý nghĩa hình thái, tức là chuyển đổi y nguyên ý đồ của tác giả, thể văn và cấu trúc ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích. Hay chính là phương pháp dịch chuyển y nguyên những từ vựng có liên quan mật thiết với văn hóa đúng như phát âm của nó, đồng thời nó dịch chuyển y nguyên cả những biểu hiện không đúng với ngữ pháp, từ vựng trong ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích.

Biên dịch đặt trọng tâm vào ý nghĩa là phương pháp biên dịch chuyển đổi một cách thích hợp bằng phương pháp “tương đương về mặt ý nghĩa” trong trường hợp khó tái hiện những cấu trúc từ ngữ, vần điệu, thể văn, từ tượng thanh trong văn bản nguồn sang văn bản đích. Trái với biên dịch trung thực là tái hiện y nguyên tất cả những yếu tố của văn bản nguồn thì biên dịch đặt trọng tâm vào ý nghĩa linh động hơn và chấp nhận tính sáng tạo của người biên dịch. Thông thường biên dịch đặt trọng tâm vào ý nghĩa được tạo nên từ cấp độ ngôn ngữ mà tác giả văn bản nguồn sử dụng và nó được sử dụng trong những văn bản biểu cảm.

Biên dịch tự do là phương pháp biên dịch cân nhắc hình thức của văn bản nguồn trên khía cạnh tính dễ đọc của văn bản đích, và làm cho nội dung văn bản đích trở nên dễ đọc hơn. Phương pháp biên dịch tự do có thể dài dòng, hơi rườm rà và có đặc trưng là bản dịch đa số thường dịch nghĩa dài hơn so với văn bản nguồn.

Biên dịch trọng tâm vào giao tiếp là phương pháp biên dịch giúp người đọc văn bản đích dễ dàng hiểu được những nội dung mang tính ngôn ngữ hay mang

tính văn hóa của văn bản nguồn. Sau đây là một ví dụ giải thích phần nào nhận định trên. Trong phần trích dẫn ví dụ giải thích của Newmark, ông cho rằng, khi chuyển đổi thông điệp bằng tiếng Pháp:” Bissiger Hund and chien mechant” sang tiếng Anh người ta không dịch về mặt ý nghĩa là “dog that bites” (con chó cắn) hay “ bad dog”(con chó hư) mà phải dịch theo cách giao tiếp là “beware the dog” (cẩn thận với con chó) . Ông cũng giải thích rằng, về mặt văn hóa các yếu tố ngoại lai có thể chuyển đổi thành yếu tố văn hóa của ngôn ngữ đích, và có thể được sử dụng trong văn bản mang tính phi văn học và văn bản mang tính kỹ thuật thông tin hay quảng cáo. Dưới đây là phần trích dẫn câu nói của Newmark:

“Biên dịch mang tính giao tiếp là phương pháp cố gắng làm cho hiệu quả mà độc giả của ngôn ngữ nguồn và độc giả của ngôn ngữ đích nhận được đồng nhất với nhau. Biên dịch theo ý nghĩa luận là phương pháp khiến những cấu trúc mang tính cú pháp học hay ý nghĩa học của ngôn ngữ thứ hai gần nhất với ý nghĩa trên mạch văn chính xác của văn bản nguồn”.

Newmark chủ trương cho rằng mục đích chính của biên dịch trong 8 phương pháp biên dịch là phải có tính chính xác và tính kinh tế, đồng thời ông cũng chọn cách biên dịch đặt trọng tâm vào ý nghĩa và biên dịch đặt trọng tâm vào giao tiếp là phương pháp phù hợp nhất cho 2 mục đích trên, và cũng đề cao giá trị trung thực trong biên dịch. Ngoài ra ông cũng chủ trương cho rằng phải lựa chọn phương pháp biên dịch tùy theo đối tượng độc giả, mục đích biên dịch và mục đích của thể loại văn bản.

## **4.2 Vinay & Darbelnet**

Vinay & Darbelnet trong cuốn sách với tiêu đề “So sánh thể văn luận giữa tiếng Pháp và tiếng Anh” viết năm 1958 xuất bản năm 1995 đã giới thiệu 2 chiến lược biên dịch là biên dịch trực tiếp và biên dịch gián tiếp và trong 2 chiến lược biên dịch này có 7 phương pháp biên dịch. Chiến lược biên dịch trực

tiếp dựa vào dịch nghĩa đen, còn chiến lược biên dịch gián tiếp dựa vào việc dịch ý.

## **[1] Chiến lược biên dịch trực tiếp**

### **1, Vay mượn từ**

Vay mượn từ chỉ phương pháp biên dịch chuyển nghĩa từ vựng ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích qua chú trọng phát âm ở trong trường hợp từ vựng của ngôn ngữ nguồn không tương ứng với từ vựng của ngôn ngữ đích. Dưới đây là việc vay mượn từ ngữ trong tiếng Hàn thông qua biên dịch

a, orchestra(오케스트라) dàn nhạc, drama(드라마) phim truyền hình, partner(파트너) đối tác, system(시스템) hệ thống,

b, cognac(코냑) rượu cônac, bourgeois(부르주아) tư bản , debut(데뷔) ra mắt , ballet(발레) múa bale,

c, arbeit(아르바이트) làm thêm , pang(빵) bánh mì .

Vay mượn là phương pháp đơn giản nhất trong tất cả các phương thức biên dịch thông thường, tạo ra khái niệm lạ lẫm. Cùng với mô phỏng sẽ giới thiệu bên dưới, vay mượn có thể là phương pháp biên dịch một các trung thực nhất với văn bản nguồn về mặt cú pháp và từ vựng.

### **2, Mô phỏng**

Mô phỏng là một bộ phận của vay mượn, nó là phương pháp biên dịch rút ngắn từ vựng hay biểu hiện của ngôn ngữ nguồn sang biểu hiện hay từ vựng của ngôn ngữ đích. Mô phỏng là sự vay mượn cụm. Hãy xem ví dụ dưới đây.

a, iron curtain 철의 장막 (Cái lều sắt)

b, hot potato 뜨거운 감자 (Khoai nóng)

c, a bean in one's own eye 제 눈 속에 있는 들보 (Nhìn vào trong mắt tôi)

d, see in one's mind's eye    마음의 눈으로 보다 (Nhìn vào tâm hồn tôi)

Ví dụ a và b là trường hợp viết theo đúng từ tiếng Anh sang mặc dù những biểu hiện này ở tiếng Hàn không có, ví dụ c, d cũng tương tự như vậy. Đặc biệt ví dụ c, d không sử dụng đơn vị câu hay từ, mà nó sử dụng cấu trúc của ngôn ngữ nguồn rồi chuyển ý nguyên cấu trúc đây sang ngôn ngữ đích.

### **3, Dịch nghĩa đen**

Vinay và Darbelnet đã chỉ ra rằng, dịch nghĩa đen là phương pháp hoán đổi từ sang từ và đây chính là phương pháp phổ biến trong việc biên dịch giữa các ngôn ngữ thuộc cùng một nền văn hóa hay cùng nhóm ngôn ngữ. Tiếng Anh và tiếng Hàn tuy không thuộc cùng nhóm ngôn ngữ hay cùng nền văn hóa nhưng biên dịch nghĩa đen có thể có khả năng. Chỉ có một điều cần chú ý là trật tự câu trong tiếng Anh (chủ ngữ+ động từ+ tân ngữ) cần được chuyển theo đúng trật tự câu trong tiếng Hàn (chủ ngữ+ tân ngữ+ động từ). Hãy nhìn ví dụ dưới đây.

a, Where are you?    너는 어디에 있니? Anh đi đâu đấy

b, Life is journey.    인생은 여정이다. Cuộc sống là những chuyến đi

c, This train arrives at Union Station at ten    이 기차는 10 시에  
유니언역에 도착합니다    Chuyến tàu này đến ga Union lúc 10h

### **[2] Chiến lược biên dịch gián tiếp**

So với chiến lược biên dịch trực tiếp chiến lược biên dịch gián tiếp có thể thoát khỏi hình thái ngôn ngữ của văn bản nguồn, trong chiến lược biên dịch gián tiếp có 4 phương pháp biên dịch.

#### **1, Hoán đổi**

Hoán đổi là hình thức biên dịch không làm thay đổi ý nghĩa của từ, nhưng thay đổi từ loại từ vựng của ngôn ngữ nguồn sang từ loại từ vựng khác của ngôn ngữ đích. Trong hoán đổi có 2 dạng là hoán đổi nghĩa vụ và hoán đổi tùy ý.

### **A. Hoán đổi bắt buộc**

a, As soon as he saw me, he run away

b, 그는 나를 보자마자 도망갔다 Vừa nhìn thấy tôi, anh ta đã bỏ chạy

c, You are surprised as though the ghost appeared

d, 너는 유형이 나타난 것처럼 깜짝 놀라는 구나. Anh bất ngờ cứ như có ma xuất hiện ý

### **B. Hoán đổi tự do**

a, There are many girls in the classroom

b, 교실에는 소녀들이 많다. Trong lớp học có nhiều nữ

c, Usually Mr. Kim would arrive five to ten minutes lates

d, 김씨는 5 분 내지 10 분 늦게 도착하는 게 보통이었다. Anh Kim thường đến muộn trong 5~ 10 phút.

Ví dụ a, b của mục A là trường hợp xuất hiện hoán đổi liên từ “as soon as” và “as though” trong tiếng Anh tương đương với tiêu từ “하자마자” và “처럼”, và nó được gọi là hoán đổi bắt buộc bởi vì nó không thể có cách nào khác ngoài cách đó ra. Hoán đổi tự do ở ví dụ a của mục B có thể dịch thành “교실에는 소녀들이 많이 있습니다” nhưng như ở ví dụ b của mục B do chuyển đổi từ loại tính từ “many” sang động từ 많다 nên ngôn ngữ đích trở nên tự nhiên hơn. Khác với hoán đổi bắt buộc là chỉ tồn tại một ngữ pháp duy nhất, trường hợp hoán đổi tự do người biên dịch có thể chuyển đổi từ loại tự do để lời nói được tự nhiên. Khác với ngữ pháp cơ bản, ngữ pháp hoán đổi trong quan điểm thể văn

do không nhất thiết phải chọn phương pháp tương đương nên người biên dịch có thể lựa chọn phương thức hoán đổi để có thể phát huy sắc thái của thể văn hay phù hợp với câu văn.

## 2, Biến điệu

Biến điệu vừa là phương thức thay đổi thông điệp theo sự thay đổi từ vựng, suy nghĩ, quan điểm, vừa là phương thức được sử dụng khi ta thấy rằng dịch nghĩa đen hay hoán đổi chính xác về mặt ngữ pháp nhưng lại trái ngược với tình cảm của ngôn ngữ đích. Dưới đây là một số ví dụ về biến điệu.

a, Lost and Found - 분실물 Bị mất và tìm thấy

b, It is not easy to solve the problem      문제의 해결은 어려웠어요. Việc giải quyết vấn đề rất khó

c, the soup was not very hot.      스프는 식어 있었다

Trong ví dụ b và c có thể dịch là “문제를 푸는 것은 쉽지 않다” (Việc giải quyết vấn đề không dễ), 그스프는 그다지 뜨겁지 않았다” (Món soup đó không nóng tới mức ấy). Hai cách dịch này có thể truyền tải chính xác về mặt ý nghĩa nhưng về mặt biểu hiện lời nói thì vẫn chưa được tự nhiên và hơi gượng gạo. Trong tiếng Hàn các từ như 어렵다 (khó), 쉽다(dễ), 뜨겁다(nóng), 차갑다 (lạnh) thì tự nhiên hơn các từ “ 쉽지 않다(Không dễ), 그다지 뜨겁지 않다(không nóng đến mức ấy).

## 3, Tương đương

Vinay & Darbelnet nói rằng tương đương không phải là biên dịch theo cấu trúc câu hay thể văn, mà là phương pháp biên dịch tìm ra ý nghĩa của ngữ đích đồng nhất với tình huống của ngữ nguồn. Vì trong trường hợp dịch từ theo từ có thể khiến cho biên dịch không đúng hoặc gượng gạo nên người ta dịch sử dụng phương pháp tương đương tức là phương pháp biên dịch tìm ra tình huống trong

ngôn ngữ đích tương đồng với tình huống trong ngôn ngữ nguồn. Ví dụ biểu hiện tương đương thường thấy là từ tượng thanh kêu của động vật.

### A. Quan hệ tương đương của tiếng động vật

a, Cook- a- doodle- do      꼬기오      Ó ó o

b, Miaow      냐옹      Meo meo

c, heehaw      히잉      Hí hí

Mỗi nước có thể có những loài động vật giống nhau và có trường hợp nước này có động vật này nhưng nước khác không có. Giống như ví dụ trên đây: gà, mèo ngựa là những loài động vật có thể thấy ở bất cứ quốc gia nào, và mỗi quốc gia đó lại có những từ tượng thanh miêu tả tiếng kêu của những con vật này. Khi biên dịch tiếng động vật, tương đương được hình thành khi ta thay thế từ đó bằng một từ tượng thanh được sử dụng ở ngôn ngữ đích. Đại đa số quan hệ tương đương thường xuất hiện trong tiếng lóng, biểu hiện mang tính địa phương, thành ngữ, đặc biệt quan hệ tương đương được thấy rõ trong tục ngữ.

### B. Quan hệ tương đương trong tục ngữ.

a, It is raining cats and dogs      비가 억수같이 쏟아진다. Mưa như trút nước

b, Like a bull in a china shop      노름판의 개평꾼처럼

c, Too many cooks spoil the broth      사공이 많으면 배가 산으로 간다.

## 4, Cải biến

Cải biến là việc thay thế một sự vật trong trường hợp yếu tố văn hóa xuất hiện trong đoạn văn nguồn không tồn tại trong văn hóa đích để giúp người đọc có thể dễ dàng hiểu được đối tượng văn hóa được nói đến. Cải biến có vẻ giống với tương đương nhưng lại có một số khác biệt. Tức là tương đương được sử dụng trong trường hợp biểu hiện trong ngôn ngữ đích khác về mặt từ ngữ hay



cấu trúc nhưng tương đồng về mặt tình huống của ngôn ngữ nguồn, nhưng cải biến là phương pháp được sử dụng trong trường hợp mà biểu hiện trong ngữ đích không tương đồng với biểu hiện trong ngữ nguồn không chỉ về mặt cấu trúc và từ mà trong mặt tình huống. Trường hợp dịch chuyển “신데렐라 이야기” (chuyện Lọ lem) thành “콩쥐팥쥐전” và “marmalade & bread” thành “잼과 빵” (Mứt và bánh mì) là các ví dụ của cải biến.

Vinay & Darbeknet nhấn mạnh tính quan trọng của cải biến khi nói rằng khả năng hoán đổi là bí quyết được sử dụng thường xuyên 1 cách có hiệu quả khi mà khả năng tiếp thu ngôn ngữ nguồn của người biên dịch vượt trội nhưng cải biến chính là “đá thử vàng” thật sự tạo nên một người biên dịch xuất sắc.

### **4.3 Eugene A. Nida**

Các thuật ngữ “biên dịch trung thành với ngữ nguồn”, “dịch thẳng”, “dịch nghĩa” - những khái niệm chủ chốt trong biên dịch trước thế kỷ 20, đã bị xóa khi Nida chủ trương sử dụng các biểu hiện “hai phương hướng cơ bản trong dịch thuật” và “loại hình của tương đương” trong dịch thuật. Nói rõ hơn những biểu hiện này chính là khái niệm của tương đương hình thức và tương đương linh hoạt. Nida đã nhấn mạnh vào lí luận biên dịch lấy trọng tâm là độc giả ngữ đích. Dưới đây là những giải thích về hai khái niệm tương đương của Nida.

#### **[1] Tương đương hình thức**

Tương đương hình thức tập trung quan tâm khía cạnh nội dung và hình thức của văn bản. Tương đương hình thức lấy trọng tâm vào việc văn bản được dịch sang ngữ đích trong khả năng cho phép phải đồng nhất với các yếu tố khác của ngữ nguồn.

Tương đương hình thức góp phần vào việc quyết định tính chính xác của biên dịch nên tương đương hình thức coi cấu trúc của nguyên bản là yếu tố hàng đầu. Loại hình biên dịch như thế này cùng với các chú thích có tính học vấn thông

thường sẽ tương ứng “ Dịch chú thích”, một loại dịch gần gũi với cấu trúc của nguyên bản.

## **[2] Tương đương linh hoạt**

Tương đương linh hoạt dựa trên nền tảng “nguyên lí hiệu quả tương đương”, trong đó, tương tác giữa người đọc bản dịch và thông điệp được truyền tải phải đồng nhất một cách cơ bản với tương tác giữa người đọc nguyên bản và thông điệp”. Thông điệp chỉ được thành lập khi đáp ứng mục tiêu về sự tự nhiên trong biểu hiện, dự tính mang tính văn hóa, các yêu cầu mang tính ngôn ngữ của người tiếp nhận thông tin. Sự tự nhiên là điều kiện tiên quyết với Nida. Trên thực tế, ông định nghĩa mục tiêu của tương đương linh hoạt là việc tìm ra tương đương tự nhiên gần gũi nhất với thông điệp trong văn bản ngữ nguồn. Và để phương pháp tiếp cận lấy người tiếp nhận thông tin làm trọng tâm như trên đã trình bày đạt được sự tự nhiên, ta cần thiết phải cân nhắc sự biến đổi của từ vựng, ngữ pháp và các nội dung liên quan mang tính văn hóa. Ta cũng có thể gọi đây là phương pháp dịch lấy độc giả ngôn ngữ đích làm trọng tâm và chính vì thế ta phải tối thiểu hóa tính ngoại lai của văn bản ngữ nguồn.

Với Nida, thành công của biên dịch trên hết phụ thuộc vào việc đạt được phản ứng mang tính tương đương. Và đây là một trong bốn điều kiện cơ bản của biên dịch mà ông đã chủ trương nêu ra. Bốn điều kiện đó gồm:

- (1) Hiểu nội dung
- (2) Nắm bắt được phương thức và tinh thần của văn bản nguồn
- (3) Sử dụng hình thức biểu hiện đơn giản và tự nhiên
- (4) Tạo ra phản ứng tương tự

Nida nhấn mạnh việc để đạt được hiệu quả tương đương cần phải đặt ưu tiên việc thống nhất nội dung ý nghĩa lên trên thống nhất hình thức thể văn.

## **4.4 Lawrence Venuti**

Venuti đã tiếp nhận từ Schleiermacher các khái niệm: “ dịch thuần hóa ( hành động làm thân thuộc) và “ dịch dị quốc hóa ( hành động làm xa lạ)

### **[1] Dịch thuần hóa**

Phương pháp dịch thuần hóa là phương pháp tự nhiên và rõ ràng, chọn lọc để giúp độc giả văn bản đích không cảm nhận được sự xa lạ, lạ lẫm của văn bản nguồn.

Theo Schleiermacher, phương pháp này là chiến lược dịch đặt người đọc vào đúng vị trí độc giả và khiến họ tiếp cận văn bản đích. Phương pháp dịch thuần hóa thêm vào các yếu tố giúp thích ứng với loại hình đàm thoại của ngữ đích cũng như các yếu tố giúp ích cho việc nghe một cách tự nhiên. Một cách tổng thể, phương pháp dịch thuần hóa giúp văn bản ngữ đích thích hợp với ngôn ngữ đích. Lí do dịch thuần hóa được yêu thích chính là vì phương pháp dịch này giúp bản dịch gần gũi với độc giả, dễ đọc, nâng cao khả năng đọc của văn bản.

Phương pháp dịch thuần hóa lấy ngôn ngữ đích làm trọng tâm và là phương pháp dịch khiến người đọc không nhìn thấy sự góp mặt của người biên dịch trong văn bản đích. Venuti đã gọi dịch thuần hóa là hành vi thông qua việc dịch văn bản lấy độc giả của ngữ đích làm trọng tâm, cưỡng ép bỏ qua các đặc thù văn hóa và ngôn ngữ của dân tộc khác.

### **[2] Dịch dị quốc hóa**

Dịch dị quốc hóa là việc dịch nguyên các yếu tố dị quốc và xa lạ tồn tại trong văn bản nguồn sang văn bản đích, tạo ra một cách có ý đồ một văn bản đích không thích hợp với tập quán và văn hóa vùng ngôn ngữ đích. Theo Schleiermacher, dịch dị quốc hóa là phương pháp tiếp cận đặt tác giả của văn bản nguồn cũng như văn bản nguồn vào đúng vị trí vốn có và giúp người đọc bản dịch tiếp cận với văn bản. Phương pháp này khiến người đọc cảm nhận, thấy được sự góp mặt của người biên dịch trong bản dịch, đồng thời bảo vệ và

nhấn mạnh tính ngoại lai của văn bản nguồn. Phương pháp dịch này cũng tạo ra hiệu quả giúp độc giả của vùng ngôn ngữ đích trải nghiệm việc đọc tiếp nhận những yếu tố xa lạ.

Nếu dịch thuần hóa là phương pháp dịch lấy dân tộc của ngữ đích làm trọng tâm dịch thì dịch dị quốc hóa lại mang ý nghĩa thoát ra khỏi chủ nghĩa lấy dân tộc của ngữ đích làm trọng tâm dịch này. Việc dịch thuần hóa áp dụng phương pháp dị quốc hóa ở các vùng thống trị bởi Anh Mỹ vừa là việc đối kháng với sự đề cao cái tôi cá nhân mang tính văn hóa, chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa sắc tộc vừa là việc quan tâm tới mối quan hệ địa chính trị học mang tính dân chủ.

#### **4.5 Hans Vermeer/ Katharina Reiss (pp tiếp cận thuyết chức năng)**

Trong những năm 70 của thế kỷ 20 rộ lên các nghiên cứu về khía cạnh chức năng của văn bản. Trong đó các nghiên cứu phát triển theo hai hướng: nghiên cứu biên dịch theo thể loại văn bản của Katharina Reiss và lí thuyết Skopos, thuyết nhấn mạnh vào mục đích dịch của Hans Vermeer.

Nửa đầu những năm 80, “ thuyết chức năng”, một lí luận chú trọng vào mục đích dịch đã xuất hiện ở Đức. Thuyết chức năng được gọi tên bằng từ “skopos” trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là “ mục đích”, “ chức năng”. Các học giả tiêu biểu cho thuyết này là Hans Vermeer và Katharina đã giải thích quá trình biên dịch bằng ngôn ngữ học – Vermeer, nhận thấy giới hạn trong việc giải quyết vấn đề biên dịch và thêm vào phiên dịch một lí luận hành vi. Vermeer coi biên dịch là một loại hành vi lấy căn cứ dựa trên văn bản nguồn và ông cũng nhấn mạnh việc có một “Skopos”, nói cách khác chính là “mục đích” trong tất cả mọi hành vi. Ngoài ra ông cũng làm sáng tỏ rằng do có sự định nghĩa khái niệm của hành vi, nên nếu muốn coi một hành động nào đó là hành vi chân thực, người thực hiện hành động phải có khả năng giải thích được lí do bản thân hành động như thế.

Nếu các lí luận biên dịch học trước đây đều nghiên cứu và đánh giá tất cả quá trình dịch và kết quả dịch với trọng tâm là ngữ nguồn thì thuyết Skopos lại bàn luận và nghiên cứu biên dịch với trọng tâm là ngữ đích. Thuyết Skopos trên hết coi trọng chức năng dịch trên quan điểm mang tính thực dụng và thuyết cũng có ý nghĩa rất lớn trong việc thay đổi một lí thuyết dịch đã từng bị trói chặt trong quan niệm tương đương lên thành một quan điểm mới.

Người dịch phải nắm bắt rõ ràng mục đích và ý đồ mà tác giả văn bản nguồn nói đến là gì, sau đó mới bắt đầu dịch một cách trọn vẹn những mục đích và ý đồ này.

**Bảng 4.1 chức năng chính theo loại hình văn bản.**

Kiểu văn bản	Loại hình tập trung vào thông tin	Loại hình tập trung vào biểu hiện	Tập trung vào hiệu quả
Chức năng ngôn ngữ	Tính thông tin	Tính hiểu hiện	Tính kêu gọi
Khía cạnh ngôn ngữ	Tính lí luận	Tính thẩm mĩ	Tính giao tiếp
Trọng tâm văn bản	Tập trung vào nội dung	Tập trung vào hình thức	Tập trung vào hiệu quả
Phương pháp dịch	Duy trì thể tài văn đơn giản. Xác định theo nhu cầu	Chiến lược đồng nhất với tác giả Tiếp cận quan điểm của tác giả	Sử dụng linh hoạt chức năng biến đổi Tìm kiếm tương đương



(3) Thời gian và địa điểm dự tính cho việc tiếp nhận văn bản

(4) Phương tiện truyền tải văn bản

(5) Lý do hay động lực cho việc tạo và tiếp nhận văn bản

Trong “ nội dung ủy nhiệm dịch” phải chứa đựng các thông tin cụ thể như điều kiện và mục đích người giao phó ủy nhiệm dịch. Bằng việc tìm kiếm trên từ điển các thông tin cụ thể như vậy, người dịch có thể nắm bắt được ý đồ của tác giả văn bản nguồn và mục đích của văn bản nguồn trước khi bắt đầu phân tích nguyên bản.

Trong lí thuyết Skopos dưới đây, ta có thể tóm lược mục đích chính liên quan tới dịch thuật thành 3 loại sau:

Một, mục đích giao tiếp mà ngôn ngữ đích đang hướng tới

Hai, mục đích mang tính chiến lược làm theo phương pháp dịch đặc biệt

Ba, mục đích thông thường mà người biên dịch hướng tới

Vì mục đích dịch có thể thay đổi theo độc giả nên chiến lược dịch thuật được phán đoán làm sao cho phù hợp với tầng lớp độc giả sẽ có thể thay đổi. Việc tầng lớp độc giả thay đổi mang ý nghĩa là bản thân mục đích dịch sẽ có thể thay đổi theo sự chuyển đổi đối tượng giao tiếp. Định nghĩa “độc giả” hay chính là đối tượng biên dịch được coi là biến số quan trọng để hình thành chiến lược biên dịch. Ngược lại, việc xây dựng một nền tảng lí thuyết mà có thể sử dụng các phương pháp dịch được coi là phù hợp đã góp phần rất lớn trong việc đạt được mục đích giao tiếp đã được quy định trong nội dung ủy nhiệm dịch.

#### **4.6 Phương pháp tiếp cận kết hợp của Mary Snell-Hornby**

Mary Snell-Hornby trong “ nghiên cứu dịch thuật. phương pháp tiếp cận kết hợp” ( 1988, 1995) – 1 trong những quyển sách của bà, đã tiến hành thí nghiệm kết hợp các khái niệm văn học của các ngôn ngữ đa dạng vào dịch thuật. Snell-

Hornby mượn khái niệm nguyên mẫu trong bối cảnh mang tính lí thuyết của Đức, mượn sự phân loại loại hình văn bản. Bà dựa vào loại hình văn bản để tổng hợp các nghiên cứu về chủ đề đặc biệt, liên quan tới biên dịch khoa học và y học, kinh tế và luật pháp, nghiên cứu khu vực và nghiên cứu văn hóa xã hội, nghiên cứu văn học, lịch sử văn hóa.

Snell-Hornby giải thích rằng sơ đồ kết hợp được đọc bằng một chuỗi các thay đổi liên tục không giới hạn rõ ràng theo mặt phẳng từ trái sang phải. Việc này được bổ sung hoàn thiện nhờ vào “ mô hình tầng” chạy từ điểm A thông thường nhất tới điểm F đặc biệt nhất. Bà trình bày rằng: tại tiêu chuẩn điểm A kết hợp biên dịch có “tính văn hóa”, “ thông thường” và “đặc biệt” với các lĩnh vực có tính truyền thống của biên dịch thành một thể liên tục thống nhất. Tiêu chuẩn điểm B chỉ loại hình văn bản cơ bản của nguyên bản và tiêu chuẩn điểm C đưa ra các lĩnh vực học vấn ngôn ngữ gồm các kiến thức văn hóa nền gắn chặt với biên dịch. Tiếp theo, tiêu chuẩn D đề cập quá trình biên dịch bao gồm sự hiểu văn bản nguồn, chức năng thông tin và nội dung chính của văn bản đích. Tiêu chuẩn E hoạt động trong lĩnh vực ngôn ngữ học liên quan tới biên dịch. Và tiêu chuẩn có thứ tự thấp nhất – F đề cập tới phương diện hệ thống ngữ âm như năng lực nói, nhịp điệu, dịch âm khẩu...

Snell-Hornby chủ trương xóa bỏ sự phân chia gắt gao giữa văn học và ngôn ngữ “ khác” và ông cũng coi nghiên cứu dịch thuật là “ nghiên cứu loại học vấn ngôn ngữ và văn hóa giữa các nhà lí luận dịch thuật và các nhà biên dịch. Hơn nữa, nghiên cứu dịch thuật yêu cầu phải tập trung vào “mạng lưới quan hệ” giữa mạch văn có tính văn hóa, tình huống và văn bản hơn là tập trung vào phương pháp tiếp cận ngôn ngữ học mang tính cổ điển của những từ đơn lẻ và việc phát triển “ khuôn mẫu và thói quen” có sẵn.

Snell-Hornby cũng đề cập đến các chủ đề có phạm vi đa dạng như lí luận biên dịch, ngôn ngữ học, luật pháp, y học, thuật ngữ chuyên dùng, triết học, tính



liên kết của văn bản, phân tích học, lịch sử, văn hóa dịch trong những cuốn sách “ Biên dịch trong giao tiếp giữa hai nền văn hóa”, “ nghiên cứu dịch thuật. Phương pháp tiếp cận tích hợp” và luận văn trong hội thảo biên dịch tại Vienna vào năm 1922.

**Bảng 4.3 Tiêu chuẩn liên quan tới hình thức văn bản trong biên dịch.**

A. Dịch văn học	Dịch ngôn ngữ thường thức	
B. Kinh thánh	Báo/ văn bản cung cấp thông tin	
Kịch/phim	Thơ trữ tình	Dịch thuật ngữ
Văn học hiện đại	Văn học trước năm 1990	Ngôn ngữ quảng cáo
Văn học thiếu nhi	Tiểu thuyết	Ngôn ngữ luật
		Ngôn ngữ kinh tế
		Y học
		Khoa học
C. Lịch sử văn học/ Nghiên cứu văn học	Nghiên cứu văn học xã hội	
	Khu vực học	Các chủ đề đặc biệt
	Phân tích	Nghiên cứu
D. Tiêu chuẩn ngôn ngữ	Phạm vi được giới hạn	Khái niệm
Mở rộng tính sáng tạo	Ngôn ngữ học văn bản	Tính đồng nhất
E. Tính lịch sử	Ngữ pháp đối lập	
Ngôn ngữ học	Tiếng	
F. Khả năng phát ngôn	Âm điệu	